TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án: 60/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 12 - 2021
V/v ly hôn giữa chị A và anh A1

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải, Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2021/QĐST-HNGĐ ngày 9 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1997, có mặt.

**** Bị đơn:*** Anh Đỗ Ngọc A1, sinh năm 1992, vắng mặt.

- Đều tại địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Lê Thị Ngọc A trình bày: Chị kết hôn với anh Đỗ Ngọc A1 ngày 3/10/2017, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh

Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh Ngọc Anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh A1 thường xuyên đe dọa và đánh đuổi chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh A1 được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019; cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020. Hiện tại cháu H đang do chị nuôi dưỡng, cháu T do anh A1 nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị không yêu cầu anh A1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Cán bộ Tòa án và cán bộ địa phương đến gia đình anh Đỗ Ngọc Anh nhiều lần để giao giấy tờ và để làm việc, nhưng anh A1 đều trốn tránh không gặp và không làm việc với cán bộ Tòa án. Ông Đỗ Ngọc Thân là bố đẻ anh Ngọc Anh nhận giấy tờ của Tòa án và cam đoan đã giao cho anh A1 Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy triệu tập của Tòa án. Ông Thân cho biết con ông anh A1 không gặp Tòa án làm việc, là không muốn ly hôn với chị A. Do anh A1 trốn tránh không làm việc nên, do vậy Tòa án không thể tiến hành làm việc với anh A1 được.

Tại phiên toà chị A vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh A1 được ly hôn, chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại là giao cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019 cho chị nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020 cho anh A1 về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng

nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đỗ Ngọc A1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Đỗ Ngọc A1 đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa; tống đạt quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh A1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh A1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc A1 được ly hôn.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Ngọc A nuôi dưỡng cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019; giao anh Đỗ Ngọc A1 nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị A và anh A1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Đỗ Ngọc A1, nhưng anh A1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc A và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Lê Thị Ngọc A kết hôn anh Đỗ Ngọc A1 ngày 3/10/2017 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh A1, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có hai con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị A xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đầu năm 2020, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh A1 đánh duổi chị dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ tháng 9/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Ngọc Anh được ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị Lê Thị Ngọc A, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh A1 đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị A xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn

của chị Ánh, xử cho chị Lê Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc A1 được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc A1 có 02 con chung là cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019; cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020. Trong đơn khởi kiện và lời khai ban đầu chị A có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh A1 nuôi cháu T. Sau đó chị A xác nhận các cháu đều còn nhỏ và đều chưa được 36 tháng tuổi, nên chị đề nghị giao cho chị được nuôi dưỡng cả hai con, chị đủ điều kiện nuôi con và không không yêu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa Tòa chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại là giao cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019 cho chị nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020 cho anh A1 về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy hai con chung của chị A và anh A1 mặc dù đều chưa được 36 tháng tuổi, nhưng chị A có nguyện vọng giao cho anh A1 nuôi một con chung. Nhận thấy anh A1 vẫn nuôi cháu Anh T từ tháng 9/2021 đến nay ổn định, để đảm bảo quyền và lợi ích của con trẻ trong việc giao trực tiếp người nuôi dưỡng, cần giao cho chị A nuôi dưỡng Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019, giáo anh A1 nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020 là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị A1 không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều

227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc A và anh Đỗ Ngọc A được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao chị Lê Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thu H, sinh ngày 4/3/2019; giao cho anh Đỗ Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 9/10/2020, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị A và anh A1 có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của chị A và anh A1.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị A đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0011285 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

<u>Nơi nhận:</u>
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *UBND thị trấn N;*
- *Chi cục THADS huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Biên